

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ A  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2704/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chung Cảnh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu Oanh
2. Bà Phan Thị Bé

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 991/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5297/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6084/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Khương Thị H, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Hạ Vũ 1, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Ông Lê Xuân Ho, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, đường Võ Văn Hát, tổ 7, khu phố Phước Hiệp, phường L, thành phố A, Thành Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử tại Tòa án, nguyên đơn là bà Khương Thị H trình bày:

Bà Hạnh và ông Lê Xuân Ho tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/01/2008.

Cuộc sống chung của bà H và ông Ho hạnh phúc. Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ho cờ bạc, thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Hạnh xin được ly hôn với ông Lê Xuân Ho.

Về con chung: Bà H và ông Ho có 01 con chung tên Lê Phúc Hoàng, sinh ngày 13/12/2008. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Ho cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H tự khai không có.

Nợ chung: Bà H tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Lê Xuân Ho hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Ho vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là ông Lê Xuân Ho có địa chỉ tại thành phố A, Thành Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Xuân Ho đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ho theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà Khương Thị H và ông Lê Xuân Ho đã chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/01/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Ho là hợp pháp.

Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Ho cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau.

Theo Phiếu trả lời xác minh mâu thuẫn gia đình của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố A: Mâu thuẫn giữa bà Khương Thị H với ông Lê Xuân Ho không có báo chính quyền nên không nắm rõ nguyên nhân.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 19: Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. ...”

Xét, quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông Ho đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Ho vẫn không đến và không có ý kiến, thể hiện ông Ho không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của ông và bà H. Xét, tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông Ho trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông Ho là có cơ sở giải quyết.

Về con chung: Khương Thị H và ông Lê Xuân Ho có 01 con chung tên Lê Phúc Hoàng, sinh ngày 13/12/2008. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Ho cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Bản tự khai ngày 17/11/2020, con chung Lê Phúc Hoàng trình bày ý kiến trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Ho cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có; tuy nhiên ông Ho vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa thống nhất, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Khương Thị H phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Khương Thị H và ông Lê Xuân Ho.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/01/2008 cho bà Khương Thị H và ông Lê Xuân Ho không còn giá trị pháp lý.

#### **2.** Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Lê Phúc Hoàng, sinh ngày 13/12/2008 cho bà Khương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Lê Xuân Ho không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Ho được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

**3.** Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**4.** Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**5.** Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Khương Thị H phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền

tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0046994 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Khương Thị H đã nộp đủ án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP. A
- VKSND TP. A;
- UBND X. B, H. C;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Cảnh Long